

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM



HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

ĐƠN HÀNG: SỬA CHỮA CẢI TẠO HÀNG RÀO KHUÔN VIÊN CÔNG TY
BÊN YÊU CẦU CHÀO GIÁ: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Bạc Liêu, ngày 18 tháng 12 năm 2023
ĐẠI DIỆN BÊN YÊU CẦU CHÀO GIÁ
GIÁM ĐỐC

TỔ MUA SẮM:

Nguyễn Thanh Nhuận

Nguyễn Ngọc Tuyên

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Trần Văn Tặng

Nguyễn Văn Hùng



TÓM TẮT HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

1. Bên Yêu cầu chào giá: Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam
2. Tên Đơn hàng: Sửa chữa, cải tạo hàng rào khuôn viên công ty
3. Nguồn vốn: vốn sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam năm 2024.
4. Loại hợp đồng: Trọn gói
5. Thời gian thực hiện dịch vụ: 20 ngày
6. Thời gian có hiệu lực của Chào giá là: 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng chào giá. Chào giá nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.
7. Nộp Chào giá: NCC nộp trực tiếp hoặc gửi Chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên yêu cầu chào giá nhưng phải đảm bảo bên yêu cầu chào giá nhận được trước thời điểm đóng chào giá là **09 giờ 00 ngày 26 tháng 12 năm 2023**.
8. Mở Chào giá: Thời điểm mở chào giá là **09 giờ 30 ngày 26 tháng 12 năm 2023**.
9. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND (đồng Việt Nam)
10. Tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp: Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật

11. Làm rõ, sửa đổi HSYCCG:

11.1. Làm rõ HSYCCG

Trong trường hợp cần làm rõ HSYCCG, Nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên Yêu cầu chào giá muộn nhất trước ngày có thời điểm đóng thầu 02 ngày làm việc. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYCCG của Nhà cung cấp, bên Yêu cầu chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYCCG thì bên Yêu cầu chào giá tiến hành sửa đổi HSYCCG theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này

11.2. Sửa đổi HSYCCG

Trường hợp sửa đổi HSYCCG, bên Yêu cầu chào giá sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến Nhà cung cấp đã nhận HSYCCG tối thiểu là 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng chào giá, trường hợp không đủ 02 ngày làm việc thì bên yêu cầu chào giá sẽ thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.

Nhằm giúp Nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi HSYCCG, bên Yêu cầu chào giá có thể gia hạn thời điểm đóng chào giá quy định tại Mục 8.

12. Làm rõ HSCG

Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên yêu cầu chào giá trước thời điểm đóng chào giá. Bên yêu cầu chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài

liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSCG

Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSCG đã nộp (chủng loại hàng hóa,) và không thay đổi giá chào

13. Điều kiện được lựa chọn

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị ký kết hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSCG hợp lệ
- Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu
- Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu
- Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào
- Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất
- Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán Đơn hàng được phê duyệt

14. Thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp

Kết quả lựa chọn Nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả Nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax.

Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp, nếu Nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên Yêu cầu chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà cung cấp.

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của chào giá

NCC có Chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. NCC có Chào giá không hợp lệ thì sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

Chào giá của NCC được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

Stt	Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Chào giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1.1	Bản Chào giá	Có bản Chào giá	Không có bản Chào giá
1.2	Nội dung Chào giá/Đơn chào giá	<ul style="list-style-type: none"> - Chào giá/Đơn chào giá được đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của HSYCCG. Đối với NCC liên danh, Chào giá/đơn chào giá phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký chào giá/đơn chào giá theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh. - Giá chào ghi trong Chào giá/Đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá chào ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào giá khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên yêu cầu chào giá 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có Chào giá/Đơn chào giá; hoặc Chào giá/Đơn chào giá không được đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của HSYCCG. Đối với NCC liên danh, Chào giá/đơn chào giá không phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký Chào giá/đơn chào giá theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh. - Giá chào ghi trong chào giá/đơn chào giá không cụ thể; không cố định bằng số, bằng chữ; hoặc/và không phù hợp với tổng giá chào ghi trong biểu giá tổng hợp; NCC đề xuất các giá chào giá khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên yêu cầu chào giá.
1.3	Thời gian hiệu lực của Chào giá	Đáp ứng yêu cầu của HSYCCG	Không đáp ứng yêu cầu của HSYCCG
1.4	Tên của NCC tham gia nộp Chào giá	Không có tên trong hai hoặc nhiều Chào giá với tư cách là NCC chính (NCC độc lập hoặc thành viên trong liên danh)	Có tên trong hai hoặc nhiều Chào giá với tư cách là NCC chính (NCC độc lập hoặc thành viên trong liên danh)

1.5	NCC tham gia đấu thầu theo hình thức liên danh	Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ phần công việc của Đơn hàng mà từng thành viên trong liên danh đảm nhận.	Thỏa thuận liên danh không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu. Trong thỏa thuận liên danh không nêu rõ phần công việc của Đơn hàng mà từng thành viên trong liên danh đảm nhận.
-----	--	---	--

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

NCC có Chào giá hợp lệ (đánh giá đạt) được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ		Tài liệu
TT	Mô tả	Yêu cầu	Độc lập	Liên danh	Giấy tờ cần nộp
Năng lực tài chính					
1	Kết quả hoạt động tài chính	Nộp báo cáo tài chính năm 2022 để chứng minh tình hình tài chính phải dương.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Báo cáo tài chính
Kinh nghiệm					
1	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng	Cung cấp 03 hợp đồng đã thực hiện trong vòng 2 năm (2021;2022) liên quan lĩnh vực xây dựng có giá trị tối thiểu là: 400.000.000 VNĐ/ Hợp đồng hoặc 01 hợp đồng giá trị \geq 1.200.000.000 đồng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Bản Copy Hợp đồng tương tự

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Chào giá của NCC sẽ được đánh giá theo tiêu chí “Đạt”, “Không Đạt”. Chào giá của NCC được xem là “Đạt về mặt kỹ thuật” khi tất cả các tiêu chí đánh giá về mặt kỹ thuật được đánh giá là “Đạt”. Trường hợp một trong số các tiêu chí dưới đây được đánh giá “Không đạt” thì sẽ không xem xét các tiêu chí còn lại của Mục này. NCC đánh giá đạt kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá chào.

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Kỹ sư chuyên ngành về Xây dựng. Số lượng 01	Có chứng chỉ chỉ huy trưởng được cấp trước năm 2022	Không có chứng chỉ chỉ huy trưởng hoặc có CC nhưng được cấp từ năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.
2	Thời gian thi công	Đảm bảo thời gian thi công không quá 20 ngày	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 20 ngày
3	Biện pháp thi công	Có biện pháp đảm bảo chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất và biện pháp tổ chức thi công.	Không có biện pháp đảm bảo chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất và biện pháp tổ chức thi công.
4	Bảo hành	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Không có đề xuất bảo hành hoặc có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

Việc đánh giá về giá sẽ được thực hiện theo phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào giá;

Bước 2. Sửa lỗi số học;

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4. Xác định giá chào giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà cung cấp:

HSCG có giá chào giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

YÊU CẦU PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi cung cấp

a. Thông tin tổng quát:

- ❖ Tên đơn hàng: Sửa chữa cải tạo hàng rào khuôn viên công ty.
- ❖ Địa chỉ: Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam, Lô A1-3, KCN Trà Kha, phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- ❖ Phạm vi công việc sửa chữa, cải tạo:
 - Tổng chiều dài hàng rào cần sửa chữa, cải tạo: 556,07m
 - + Đoạn rào 1 phía trước NMPB: 99,4m (29,15m+ 66,9m)
 - + Đoạn rào 2 phía tây nam Công ty, giáp ranh đất Cty dược Đông dương: 107,05m;
 - + Đoạn rào 3 phía đông nam Cty, sau NM bao bì: 140m;
 - + Đoạn rào 4 dọc theo kênh nước, giáp ranh đất KCN: 212,97m
 - Chiều cao hàng rào hoàn thiện: 2,2m – 2,5m
 - Các công việc chính như sau:
 - + Ban gạt tạo mặt bằng thi công
 - + Đóng cọc bê tông cốt thép, kích thước cọc 400x20x20cm
 - + Đập đầu cọc bê tông
 - + Lắp dựng ván khuôn
 - + Lắp dựng cốt thép, thép D12
 - + Đổ bê tông móng rộng >250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 250
 - + Lắp dựng cốt thép cột thép chịu lực D14 đai D6
 - + Lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn cột
 - + Đổ bê tông cột đá 1x2, vữa bê tông mác 250
 - + Lắp dựng ván khuôn đà giằng khóa đầu cột
 - + Lắp dựng cốt thép đà giằng, thép D14
 - + Đổ bê tông đà giằng đá 1x2, vữa bê tông mác 250
 - + Xây tường thẳng gạch AAC (17,5x60x7,5) cm, chiều dày 7,5cm, chiều cao ≤6m, bằng vữa xây bê tông nhẹ, mác 75
 - + Lắp đặt thép ống D42 chờ sẵn đỉnh cột để căng lưới thép
 - + Căng lưới thép gai.

b. Bảng khối lượng công việc chủ yếu:

STT	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Ban gạt tạo mặt bằng thi công	10m ²	63,900	
2	Đóng cọc bê tông cốt thép, kích thước cọc 400x20x20cm, thép chịu lực D14 mác thép CB400V, đai D6, bê tông mác 200	100m	5,760	
3	Đập đầu cọc bê tông các loại bằng búa căn khí nén 3m ³ /ph, trên cạn	m ³	1,728	
4	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn đà giằng khóa đầu cọc	100m ²	2,227	
5	Công tác gia công lắp dựng cốt thép đà giằng khóa đầu cọc đường kính thép D12	tấn	3,182	

6	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông móng rộng >250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 250	m3	16,704	
7	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn cột	100m2	2,704	
8	Công tác gia công lắp dựng cốt thép cột thép chịu lực D14 đai D6	tấn	1,805	
9	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông móng rộng >250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 250	m3	13,248	
10	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn đà giằng khóa đầu cột	100m2	2,227	
11	Công tác gia công lắp dựng cốt thép đà giằng khóa đầu cột đường kính thép D14	tấn	3,182	
12	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông móng rộng >250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 250	m3	16,704	
13	Xây tường thẳng gạch AAC (17,5x60x7,5)cm, chiều dày 7,5cm, chiều cao ≤6m, bằng vữa xây bê tông nhẹ, mác 75	m3	96,049	
14	Lắp đặt thép ống D42 chờ sẵn đỉnh cột để căng lưới B40	1m	65,000	
15	Căng lưới thép gai	m	223,077	

Mục 2. Tiến độ cung cấp

Nhà cung cấp phải hoàn thiện đơn hàng: “Sửa chữa cải tạo hàng rào khuôn viên công ty” trong vòng 20 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng và CĐT bàn giao mặt bằng thi công.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật/ chỉ dẫn kỹ thuật

TT	Nội dung/ Tên vật tư thiết bị	Chỉ dẫn kỹ thuật
1	Thép xây dựng	mác thép B400v
2	Gạch xây tường	Gạch bê tông trung áp
3	Bê tông	Mác 250
4	Cọc bê tông	4 cây fi 14, thép đai fi 6, mác thép B400v

Mục 4. Bản vẽ:

HSYCCG này gồm có bản vẽ: Bản vẽ thi công hàng rào.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Đơn hàng: _____ [Ghi tên Gói thầu]

- Căn cứ ⁽²⁾ _____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11];

- Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các Gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp đơn hàng _____ [Ghi tên Gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên thuê dịch vụ: Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Bên cung cấp dịch vụ: Công ty..... (sau đây gọi là Bên B)

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện gói thầu “Sửa chữa cải tạo hàng rào khuôn viên Công ty” theo hồ sơ phương án, Biện pháp tổ chức thi công, và bảng tiến độ chi tiết đã được Bên A chấp thuận.

Điều 2: GIÁ TRỊ CỦA HỢP ĐỒNG

2.1 Giá trị của Hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT 8%) là: ... VNĐ.

(Bằng chữ: ... đồng).

+ Chi tiết giá hợp đồng theo phụ lục số 01 đính kèm

2.2 Hợp đồng: Trọn gói

Điều 3: THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

3.1 Thời gian thực hiện hợp đồng làngày, trong đó, thời gian thi công là ngày, kể từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng thi công.

a) Bên B có trách nhiệm lập phương án thi công và điều động nhân sự phù hợp để đảm bảo tiến độ hợp đồng. Trường hợp Bên B cần thi công vào các ngày nghỉ để đảm bảo tiến

độ thực hiện thì cần thông báo trước cho Bên A, trong vòng 01 ngày làm việc Bên A sẽ phản hồi/xác nhận cho Bên B.

b) Trong trường hợp phải tạm dừng thi công theo yêu cầu của Bên A hoặc bất khả kháng theo luật định, hai bên sẽ cùng xác nhận thời gian tạm dừng trong Sổ nhật ký công trình. Thời gian tạm dừng thi công sẽ không tính vào tiến độ thi công nói trên.

3.2 Địa điểm thực hiện dịch vụ: tại PPC, Lô A1-3 KCN Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Điều 4: Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong vòng 10 ngày sau ngày Hợp đồng có hiệu lực.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: *đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng.*

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị Hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: 30 ngày sau ngày nghiệm thu đưa hạng mục vào sử dụng và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 30 ngày sau ngày bàn giao hạng mục vào sử dụng.

Điều 5: CÁC CÔNG VIỆC PHÁT SINH CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Các công việc được xem là phát sinh khi Bên A yêu cầu và Bên B chấp nhận thực hiện các công việc không thuộc phạm vi khối lượng công việc đã được thoả thuận trong hợp đồng này.

5.2 Trong trường hợp có công việc phát sinh thêm, hai Bên sẽ dựa vào khối lượng phát sinh thực tế và đơn giá nêu trong hồ sơ đề xuất để tính chi phí phát sinh. Các công việc chưa có đơn giá được phê duyệt sẽ được tính chi phí theo thứ tự ưu tiên sau:

- Bằng cách lập dự toán theo các quy định hiện hành của Nhà nước tại thời điểm thực hiện phát sinh.

- Do hai bên đàm phán, thoả thuận bằng văn bản.

5.3 Khối lượng và đơn giá của các công việc phát sinh phải được Bên A phê duyệt trước khi tiến hành thi công.

5.4 Thời gian Bên B tiến hành thực hiện các công việc phát sinh sẽ không tính vào thời gian thực hiện của hợp đồng này.

Điều 6: ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH CỦA HỢP ĐỒNG

6.1 Bên B có trách nhiệm bảo hành cho công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

6.2 Thời gian bảo hành: Trong vòng 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

6.3 Hình thức bảo hành: Thư bảo lãnh của Ngân hàng hợp lệ hoặc giấy cam kết bảo hành (nếu thực hiện bằng tiền giữ lại sau quyết toán) tương ứng với 5% giá quyết toán sau thuế.

6.4 Trong thời gian bảo hành, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc sau khi nhận được yêu cầu bằng fax/văn bản của Bên A, Bên B đảm bảo có mặt tại hiện trường Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam để khắc phục, sửa chữa các lỗi, khiếm khuyết kỹ thuật đối với các phần công việc đã được Bên B thi công. Bên A cũng có thể áp dụng ngay các biện pháp hợp lý để hạn chế và khắc phục tổn thất khi Bên B chưa có mặt kịp thời tại hiện trường để giải quyết sự cố, chi phí khắc phục sự cố này do Bên B chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 7: PHƯƠNG THỨC NGHIỆM THU

7.1 Hai bên thống nhất phương thức nghiệm thu, các biểu mẫu biên bản nghiệm thu tuân thủ theo các văn bản pháp luật hiện hành.

7.2 Sau khi Bên A đồng ý với các kết quả kiểm tra, nghiệm thu cho từng công việc, kết quả kiểm tra và nghiệm thu này cũng là cơ sở để lập biên bản nghiệm thu và bàn giao toàn bộ khối lượng công việc thực tế đã thực hiện thuộc phạm vi của hợp đồng này. Biên bản này sẽ là căn cứ và là cơ sở pháp lý để thanh quyết toán hợp đồng.

7.3 Các công việc không đảm bảo chất lượng sẽ không được nghiệm thu khối lượng.

Điều 8: BẢO HIỂM

8.1 Bên B phải mua và duy trì các đơn bảo hiểm nhằm mục đích bảo hiểm cho các trách nhiệm của mình theo các quy định của Pháp luật hiện hành, đồng thời miễn trách cho Bên A và Bên thứ ba liên quan đến trách nhiệm của Bên B đối với việc thực hiện dịch vụ. Các đơn bảo hiểm bao gồm nhưng không hạn chế:

- Bảo hiểm về trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động (hoặc tương tự). Giới hạn trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Bảo hiểm tai nạn và thương tật cho các nhân sự của Bên B.

- Bảo hiểm mọi rủi ro cho tất cả trang thiết bị của Bên B tương đương với giá thị trường vào thời điểm xảy ra rủi ro cho thiết bị đó, có bổ sung điều khoản bảo hiểm về phí dọn dẹp hiện trường, di chuyển để thực hiện công việc.

- Bảo hiểm về trách nhiệm dân sự đối với Bên thứ ba cho thương tật, tính mạng con người với mức giới hạn bảo hiểm theo yêu cầu của khách hàng được quy định trong từng yêu cầu cung cấp dịch vụ cụ thể.

- Bảo hiểm trách nhiệm xe cơ giới và các bảo hiểm khác theo yêu cầu của pháp luật.

8.1 Các bên trong Hợp đồng này đồng ý rằng khi có yêu cầu theo luật định về các đơn bảo hiểm khác hoặc đơn bảo hiểm cần mua ở mức trách nhiệm cao hơn hoặc cụ thể hơn, Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết ngay và Bên B bằng chi phí của mình sẽ phải thực hiện các yêu cầu bảo hiểm đó.

Điều 9: CÁC NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA BÊN A

9.1 Thực hiện đầy đủ và đúng trách nhiệm theo toàn bộ nội dung và các điều khoản của hợp đồng này.

9.2 Tạo điều kiện thuận lợi trong phạm vi khả năng của mình trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng để Bên B hoàn thành công việc bao gồm:

- a. Cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, tài liệu về công trình.

- b. Cung cấp điện, nước cho Bên B thực hiện công việc.

- c. Phối hợp với Bên B lập kế hoạch và nghiệm thu kết quả thực hiện công việc.

9.3 Bên A có quyền từ chối nghiệm thu bất kỳ phần công việc nào và yêu cầu Bên B thực hiện lại những phần công việc không đúng quy định tại Hợp Đồng này.

9.4 Bên A có quyền đàm phán và ký kết với các nhà thầu/Nhà thầu khác về việc cung cấp một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng nếu chất lượng dịch vụ của Bên B không đáp ứng theo yêu cầu của Hợp đồng. Phần công việc này sẽ không được nghiệm thu và thanh toán cho Bên B.

9.5 Bên A chịu trách nhiệm cử người của mình theo dõi, giám sát các quá trình Bên B thực hiện dịch vụ tại hiện trường để cùng với Bên B giải quyết các vướng mắc (nếu có) và xác nhận khối lượng công việc Bên B đã thực hiện và Bên B phải đảm bảo hợp tác với đại diện của Bên A trong quá trình thực hiện dịch vụ.

9.6 Thông báo và cung cấp kịp thời cho Bên B các thông tin thay đổi về yêu cầu của Bên A trên cơ sở hợp đồng này.

9.7 Thanh toán kinh phí cho Bên B đầy đủ và kịp thời theo nội dung của hợp đồng.

ĐIỀU 10. QUY ĐỊNH PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH

Nhân sự Bên B phải tuân thủ quy định về phòng, chống dịch theo khuyến cáo của Bộ y tế, chính quyền địa phương và của PPC ban hành.

Điều 11: CÁC NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA BÊN B

11.1 Hoàn thành toàn bộ công việc đúng tiến độ theo Điều 3 của hợp đồng. Tuân thủ đầy đủ, đúng các yêu cầu theo toàn bộ nội dung và các điều khoản của hợp đồng này.

11.2 Chuẩn bị, sắp xếp và bố trí nhân công, phương tiện vận chuyển, huy động máy móc, thiết bị, dụng cụ, vật tư để thực hiện phần công việc đã nêu tại Điều 1 của hợp đồng.

11.3 Đảm bảo chất lượng và tiến độ theo đúng hợp đồng.

11.4 Nghiêm túc chấp hành mọi nội qui làm việc, qui định an toàn của Bên A và hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xảy ra mất an toàn hoặc sự cố đối với tài sản, máy móc, thiết bị... của Bên A mà lỗi được xác định là do Bên B gây ra.

11.5 Bảo vệ môi trường trong khu vực thi công, thu gom các vật tư dư thừa, dọn dẹp vệ sinh, trả lại hiện trường ban đầu.

11.6 Bên B có trách nhiệm lập toàn bộ các hồ sơ nghiệm thu có liên quan đến công trình.

11.7 Trong trường hợp có phát sinh thêm công việc như đã nêu tại Điều 4 của hợp đồng này thì phải báo ngay cho Bên A biết.

11.8 Khi kiểm tra xác định nguyên nhân sự cố hoặc khiếm khuyết kỹ thuật đối với các phần công việc do Bên B thi công thì phải lập biên bản có xác nhận của cả hai Bên. Nếu lỗi sau khi xác định là do Bên B, Bên B phải có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục mà không tính thêm bất kỳ chi phí nào khác.

11.9 Bên B có quyền yêu cầu Bên A thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

Điều 12: TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA CÁC BÊN

12.1 Ngoài những quy định cụ thể trong Hợp đồng này, Bên B đồng ý bồi thường và miễn trách cho Bên A và khách hàng của Bên A những trách nhiệm liên quan đến tử vong, ốm đau hoặc thương tật đối với bất kỳ người, nhân sự nào của Bên B hoặc của Nhà thầu của Bên B hoặc các mất mát, tổn thất về tài sản của Bên B hoặc Nhà thầu của Bên B, hoặc tài sản cá nhân của người/nhân sự Bên B, cũng như những hậu quả phát sinh trước những khiếu nại, kiện cáo, tranh chấp vì bất cứ lý do gì bao gồm cả việc vi phạm hợp đồng, ngoại trừ lỗi gây ra do cố ý của Bên A và/hoặc khách hàng của Bên A.

12.2 Bên B sẽ chịu trách nhiệm và bồi thường, miễn trách cho Bên A và khách hàng của Bên A những khiếu kiện, tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu đối với những trang thiết bị của Bên B, cũng như những tranh chấp khiếu kiện liên quan đến các chứng chỉ, giấy tờ, tài liệu của Bên B trong quá trình thực hiện dịch vụ.

12.3 Bên B phải chịu trách nhiệm trước các thiệt hại gây ra đối với Bên thứ ba, phải bảo đảm và bồi thường không để Bên A liên quan hoặc liên đới chịu trách nhiệm trước các khiếu nại, yêu cầu của Bên thứ 3 về các thiệt hại đó.

12.4 Trong quá trình thực hiện dịch vụ, nếu các thiết bị, dụng cụ, máy móc của Bên A/ Bên thứ 3 bị hư hỏng do lỗi của Bên B hoặc người của Bên B cố tình không tuân thủ các quy định của hợp đồng gây ra, Bên B sẽ phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất cho việc hư hỏng đó.

Điều 13: TẠM ỨNG VÀ THANH QUYẾT TOÁN

13.1 Tạm ứng hợp đồng: Bên A tạm ứng cho Bên B% giá trị sau khi hợp đồng được ký kết.

13.2 Thanh quyết toán: Sau khi Bên B hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc theo Hợp đồng và khối lượng phát sinh (nếu có) được Bên A nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng, Bên A quyết toán cho Bên B 100% giá trị theo Bảng quyết toán được phê duyệt (sau khi đã trừ các khoản phạt (nếu có) và khoản giữ lại cho bảo hành công trình tương đương

5% giá trị quyết toán (nếu không thực hiện bảo lãnh ngân hàng), trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bản chính bộ Hồ sơ thanh toán dưới đây:

- a) Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.
- b) Hồ sơ nghiệm thu theo Điều 6 của hợp đồng.
- c) Biên bản quyết toán toàn bộ giá trị hợp đồng.
- d) Hoá đơn giá trị gia tăng.
- e) Chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình tương đương 5% giá trị quyết toán của Hợp đồng do ngân hàng hợp lệ phát hành trong vòng 12 tháng kể từ ngày bàn giao đưa công trình vào sử dụng (nếu bảo lãnh ngân hàng) hoặc giấy cam kết bảo hành (nếu thực hiện bằng tiền giữ lại sau quyết toán).

13.3 Phương thức thanh toán:

- a. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
- b. Đồng tiền thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng tiền Đồng Việt Nam.

Điều 14: THUẾ VÀ CÁC NGHĨA VỤ

- Bên B có trách nhiệm thanh toán các loại thuế, phí hoặc bất kỳ nghĩa vụ thuế nào áp dụng đối với Bên B, người/nhân sự của Bên B cũng như các trang thiết bị, hoặc đối với Nhà thầu phụ, nhân viên hoặc đại lý của Bên B (bao gồm cả thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân và thuế nhà thầu nước ngoài (nếu có) theo qui định của pháp luật Việt Nam) do các cơ quan hữu quan của Việt Nam hoặc bất kỳ nước nào khác áp dụng (nếu có) liên quan đến việc thực hiện dịch vụ. Bên B cam kết sẽ bồi thường và miễn trách cho Bên A mọi trách nhiệm phát sinh từ việc Bên B không thực hiện các nghĩa vụ về thuế nêu trên.

- Trong trường hợp Bên A có bằng chứng hoặc có lý do để tin rằng Bên B không hoàn thành nghĩa vụ về thuế nêu trên, Bên A có quyền giữ lại bất kỳ khoản thanh toán nào cho Bên B cho đến khi Bên B hoàn thành các nghĩa vụ đó.

Điều 15: THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký kết giữa hai bên đến khi hai bên hoàn tất các trách nhiệm của mình được quy định trong hợp đồng.

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này trong trường hợp Bên B không tuân thủ các nội dung của hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B trước 10 ngày. Trong thời gian này hai bên sẽ tiến hành ký kết thanh lý để giải quyết các tồn đọng còn lại giữa hai bên.

Điều 16: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG/CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Trong trường hợp Bên B thực hiện Hợp đồng chậm mốc thời gian như đã quy định tại Điều 3, khoản 3.1 b của Hợp đồng này thì phải nộp phạt cho Bên A với mức 1% giá trị của Hợp đồng vi phạm trong 1 tuần quá hạn đầu tiên. Phạt 2% giá trị hợp đồng vi phạm/mỗi ngày cho 2 ngày quá hạn tiếp theo, và 3%/mỗi ngày cho ngày quá hạn kế tiếp. Tổng giá trị phạt không vượt quá 8% giá trị hợp đồng vi phạm. Đồng thời Bên B phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại về vật chất cho Bên A do thực hiện hợp đồng vượt quá thời hạn hợp đồng gây ra.

- Nếu tổng mức tiền phạt vi phạm Hợp đồng lên đến 8% tổng giá trị hợp đồng vi phạm thì Bên A có quyền đơn phương hủy hợp đồng mà Bên B không có quyền khiếu nại hay khiếu kiện gì.

- Đối với các phần công việc không đảm bảo yêu cầu chất lượng theo hợp đồng thì Bên B có trách nhiệm thực hiện lại bằng chi phí của mình hoặc Bên A có quyền từ chối thanh toán giá trị Hợp đồng cho phần công việc đó.

- Bên A có quyền khấu trừ tiền phạt từ kinh phí cần phải trả cho Bên B theo hợp đồng.

- Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng này do lỗi của Bên B gây ra thì:

- Bên A có thể ký hợp đồng với Nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.
- Bên A chấm dứt hợp đồng này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và Pháp luật.
- Bên B phải ngừng ngay công việc, giữ công trường an toàn và rời công trường theo yêu cầu của Bên A.
- Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng này mà không do lỗi của Bên B gây ra thì Bên A phải bồi thường cho Bên B tất cả các chi phí liên quan đến việc huy động/giải tỏa nhân sự, thiết bị, vật tư và chi phí cho phần công việc mà Bên B đã chuẩn bị và thực hiện tới thời điểm chấm dứt hợp đồng.

Điều 17: ĐIỀU KIỆN AN TOÀN, VỆ SINH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ

Bên B phải tuân thủ điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dịch vụ, cụ thể như sau:

17.1 Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ:

- CBCNV Bên B nếu có nhu cầu hút thuốc thì phải hút thuốc tại các khu vực riêng được quy định tại khuôn viên PPC.
- Trong quá trình thực hiện dịch vụ phải được chấp thuận của PPC trước khi sử dụng các vật dụng sinh lửa, sinh nhiệt.

17.2 Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

Nhà thầu dịch vụ phải đảm bảo vệ sinh môi trường chung tại công trường cũng như khu vực xung quanh trong suốt quá trình thi công.

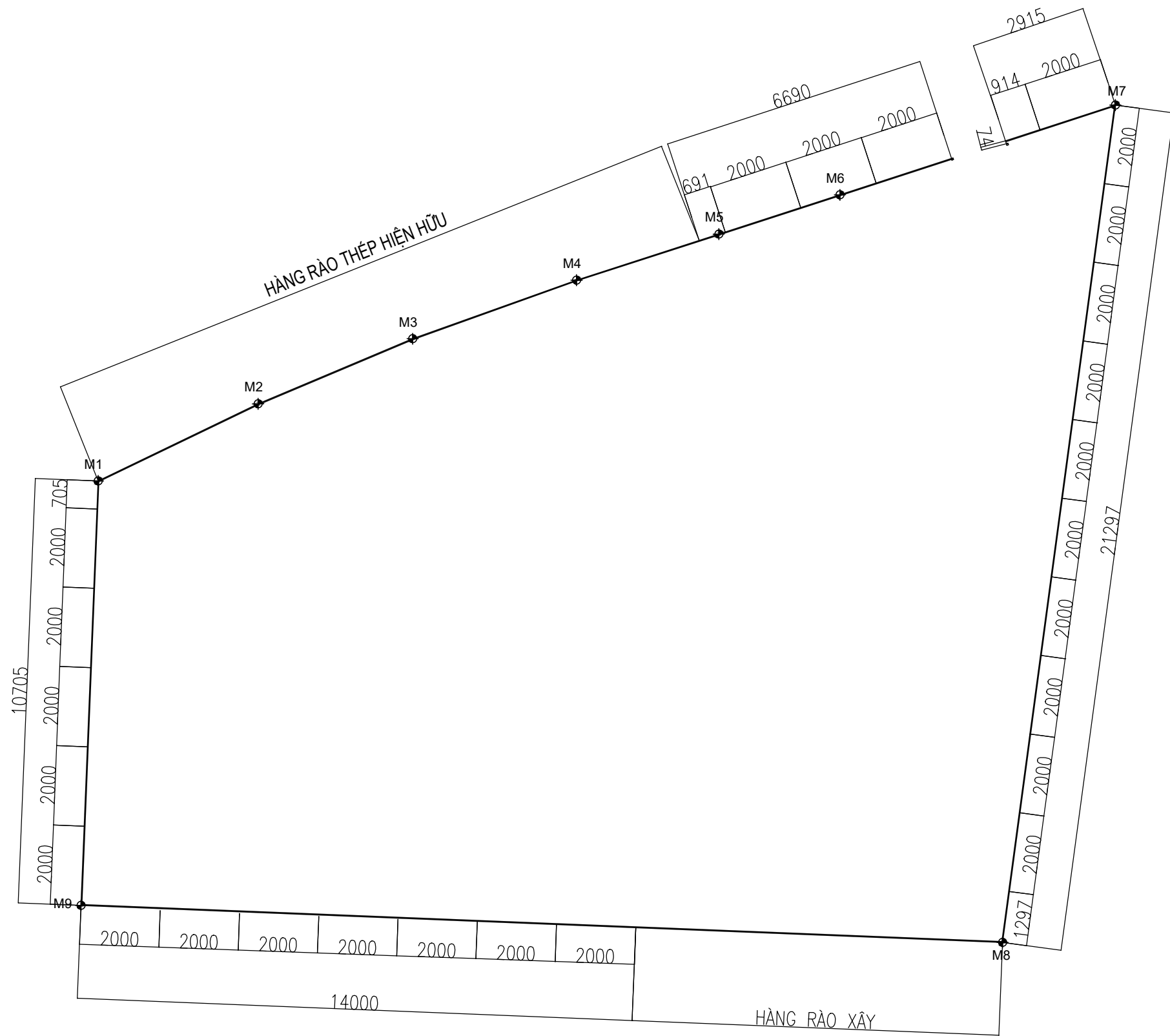
- Mọi hư hỏng liên quan đến: thảm cỏ, cây xanh, các hạng mục kiến trúc khác phải chịu đền bù kịp thời theo hiện trạng ban đầu.
- Sau khi hoàn thành công trình, Nhà thầu dịch vụ phải dọn dẹp sạch sẽ, trả lại mặt bằng.
- Cán bộ công nhân viên tham gia thi công không được ở lại đêm tại công trường.

Điều 18: CAM KẾT CHUNG

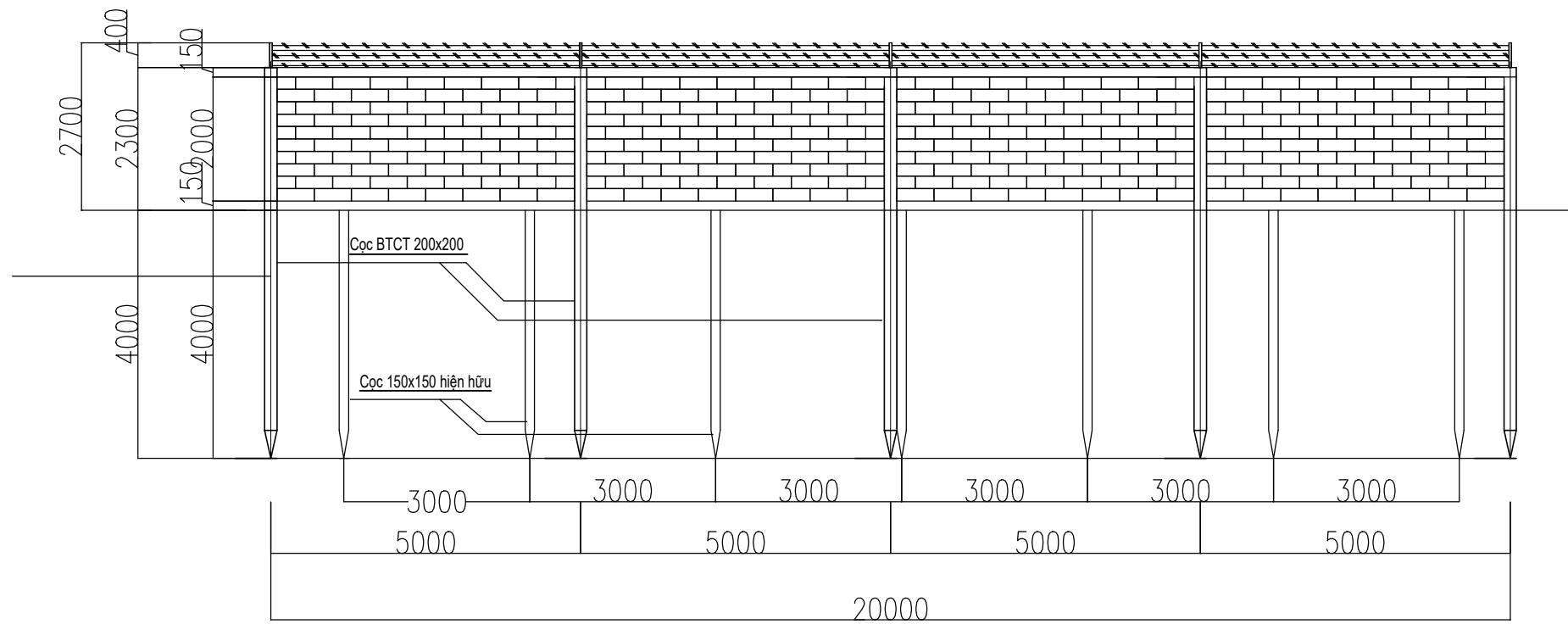
- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng này. Những nội dung hoặc điều khoản không quy định tại Hợp đồng này sẽ được chiếu theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc và giải quyết. Nếu không tự giải quyết được thì mỗi bên có quyền khiếu kiện lên Tòa án có thẩm quyền để phân xử. Phán quyết của Tòa sẽ là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân theo, mọi chi phí liên quan đến việc khiếu kiện sẽ do bên thua kiện phải chịu.
- Mọi thay đổi, thêm bớt nội dung của bản Hợp đồng này phải được thể hiện bằng văn bản có đóng dấu, chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai bên mới có giá trị thực hiện.
- Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

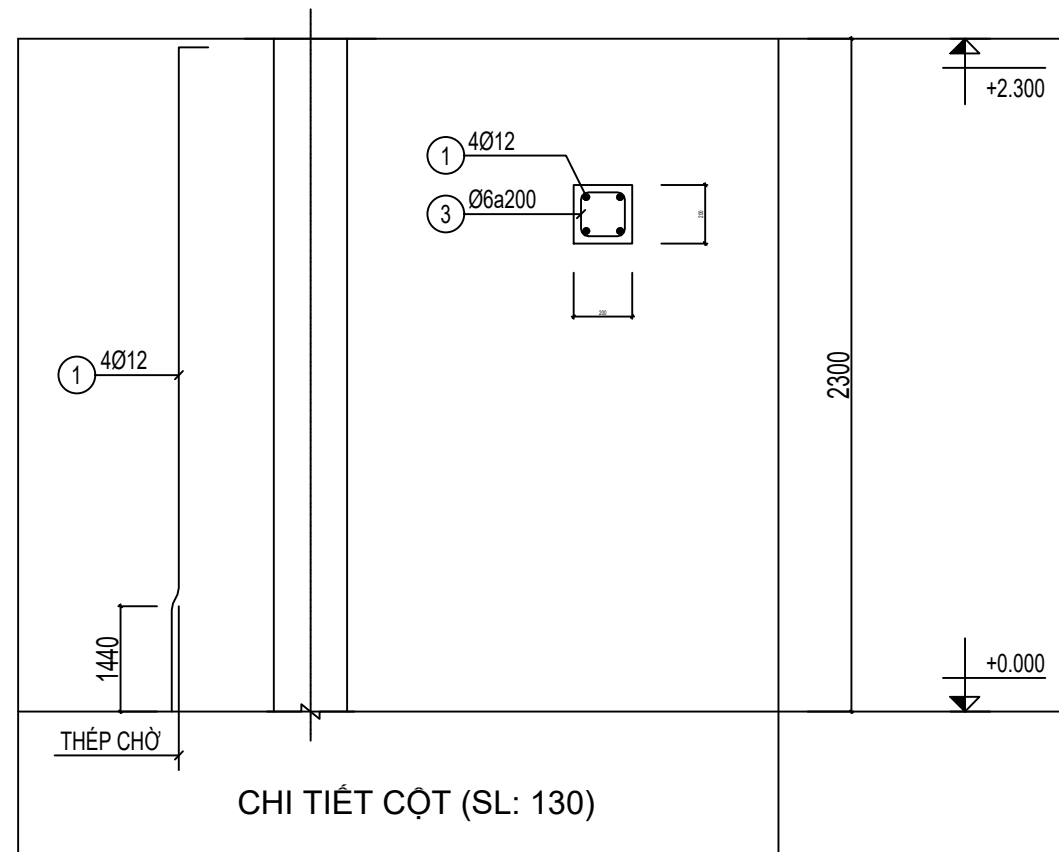
ĐẠI DIỆN BÊN B



MẶT BẰNG HÀNG RÀO



ĐƠN NGUYÊN ĐIỂN HÌNH DÀI 20M SL : 26



BẢNG THÔNG KÊ CỘT THÉP

TÊN CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
					1 CK	T. BỘ		
C-1 (TẦNG 1) (SỐ LƯỢNG: 130)	1	120 x 2270	14	2390	4	520	1242.8	1501.8
	3	150 x 150 x 50	6	700	15	1950	1365	303.0

Đường kính thép (mm):	Ø6	Ø14
Trọng lượng thép (kg):	303	1501.8
Chiều dài thép (m):		1242.8
Số lượng thép 11.7m (cây):		107

Tổng hợp thép D<=10: 303 kg

Tổng hợp thép D<=18: 1501.8 kg

Tổng hợp thép D>18: 0 kg